

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Công Rô
- Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (có mặt);
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 5C, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/11/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Nguyễn Thanh T có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1997 và Nguyễn Thị Bích H, sinh

ngày 06/12/2000 hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình sinh sống riêng; về tài sản chung, chị và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Về nợ, chị và anh Nguyễn Thanh T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Thanh T sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về vấn đề làm ăn kinh tế trong gia đình, đến năm 2023 chị và anh Nguyễn Thanh T sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Thanh T không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành và có gia đình sinh sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 20/3/2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Lê Thị A trình bày trên là đúng. Anh và chị Lê Thị A chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh và chị Lê Thị A chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi về vấn đề làm ăn kinh tế trong gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian chung sống anh và chị Lê Thị A có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1997 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/12/2000 hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình sinh sống riêng, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Lê Thị A không có tài sản chung, không có nợ người người khác, người khác không nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Lê Thị A không còn tình cảm vợ chồng nữa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị A. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành và có gia đình sinh sống riêng, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: 02 Căn cước công dân tên Lê Thị A và Nguyễn Thanh T (Bản sao); Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 08/11/2023 của chị Lê Thị A (Bản chính); 02 Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Bích H (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 08 tháng 11 năm 2023 của chị Lê Thị A (Bản*

chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lê Thị A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành và có gia đình sinh sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị A yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 5C, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi các đương sự đề tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Nguyễn Thanh T gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị A cũng không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 1996, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T đều đồng ý ly hôn, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1997 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/12/2000 hiện nay đã trưởng thành, có gia đình sinh sống riêng. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1997 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/12/2000 hiện nay đã trưởng thành, có gia đình sinh sống riêng. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Thanh T thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009198 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 05/4/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo